

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 11 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Minh

Ông Ngô Văn Khon

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thanh H, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 36/C, ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 36/C, ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Phạm Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D chung sống với nhau từ năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó ông bà thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn nhưng bà D không chí thú làm ăn mà sa vào cờ bạc gây nợ nần và nhiều lần tự ý bỏ nhà đi nơi đâu ông H không hay biết. Mỗi lần bà D bỏ nhà đi là 3 đến 4 tháng mới về, khi bà D về thì vợ chồng lại tiếp tục cãi vã khiến cả hai ngày

càng mệt mỏi. Ông H và bà D không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông H và bà D có một con chung tên Phạm Hồng Th, sinh ngày 12/02/2006. Hiện nay, cháu Hồng Th đang sống với ông H. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà D không có văn bản ghi ý kiến về việc ông H yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn ông H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn bà D chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Hồng Th, sinh ngày 12/02/2006 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có địa chỉ tại Số 36/C, ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D chung sống với nhau từ năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian ông bà chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại phiên tòa, ông H kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà D vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, xa nhau thời gian dài nhưng cả hai đều không liên lạc nhau, bà D không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông H và bà D có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế của gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, bà D không chăm lo làm ăn để cùng ông H xây dựng hạnh phúc gia đình mà còn gây nợ nần và nhiều lần tự ý bỏ nhà đi, khi bà D về nhà thì vợ chồng lại tiếp tục cãi vã khiến cả hai ngày càng mệt mỏi, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, ông bà đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do ông H và bà D không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét con chung: Ông H và bà D có một con chung tên Phạm Hồng Th, sinh ngày 12/02/2006. Hiện nay, cháu Hồng Th đang sống với ông H. Tại phiên tòa, ông H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà D không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Hồng Th sống với ông H đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt, thuận lợi cho việc học tập và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu tại Văn bản ghi ý kiến ngày 19/10/2021. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H được trực tiếp nuôi con chung Hồng Th là phù hợp với Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, ông H không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, bà D cũng không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định vợ chồng không có và không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Hồng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Về con chung: Ông Phạm Thanh H được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Hồng Th, sinh ngày 12/02/2006, hiện cháu Hồng Th đang sống với ông H. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông H không yêu cầu.

Ông H và bà D được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Phạm Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019/0014435 ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy ông H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Xuân Nữ

